

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Như Qu**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số 449, tổ 32, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Minh Qu**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Qu trình bày:**

Chị chung sống với anh Trương Minh Qu vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/2015 ngày 10/12/2015.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đầu năm 2017 chị và anh Qu sống ly thân đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Sau đó anh Qu đã bỏ nhà đi, hiện nay anh Qu đang ở đâu làm gì thì chị cũng như chính quyền địa phương không biết. Chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Qu mất tích (ngày 06/4/2021 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 02/2021/QĐDS- ST về việc “Tuyên bố một người mất tích” đối với anh Trương Minh Qu).

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh Qu vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: có 01 cháu tên là Trương Kim Hồng A - sinh ngày 03/8/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Qu1 xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Trương Minh Qu đã được niêm yết hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng anh Qu không đến Tòa cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Qu1 và anh Qu chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Qu1 khai là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp. Ngày 06/4/2021 anh Qu đã được Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ tuyên bố là mất tích. Nay chị Qu1 xin ly hôn với anh Qu, xin nuôi con chung là cháu Trương Kim Hồng A - sinh ngày 03/8/2016, không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Như Qu có yêu cầu vắng mặt. Anh Trương Minh Qu đã được Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố mất tích theo Quyết định số

02/2021/QĐDS-ST ngày 06/4/2021. Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Qu.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Như Qu yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trương Minh Qu. Nơi cư trú cuối cùng của anh Qu là ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Qu, bị đơn là anh Trương Minh Qu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Như Qu chung sống với anh Trương Minh Qu vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/2015 ngày 10/12/2015 nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Chị Qu1 cương quyết xin ly hôn với anh Qu vì vợ chồng hết tình cảm, thời gian ly thân đã lâu, hiện anh Qu đã bỏ đi nên không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Qu1 thì thấy: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Qu1 khai là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp nên từ đầu năm 2017 chị và anh Qu sống ly thân cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn chị Qu1 và anh Qu đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác anh Trương Minh Qu đã được Tòa án tuyên bố mất tích, trong thời gian thụ lý, giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh Qu, nhưng địa phương cũng không biết tin tức gì của anh Qu. Vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 để giải quyết cho chị Qu1 được ly hôn với anh Qu là phù hợp.

[4]. Về con chung: Theo lời khai chị Qu1 thì chị và anh Qu có 01 con chung là cháu Trương Kim Hồng A - sinh ngày 03/8/2016. Chị Qu1 có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh Qu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Qu1 và anh Qu sống ly thân cho đến nay thì chị Qu1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cháu A cho chị Qu1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Tài sản chung: Chị Qu1 khai không có nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Qu1 khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Qu1 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Qu về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn anh Trương Minh Qu.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Như Qu được ly hôn với anh Trương Minh Qu.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trương Kim Hồng A - sinh ngày 03/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Qu nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trương Minh Qu không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Qu phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008395 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Qu1 đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Như Qu, anh Trương Minh Qu được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai